

Bản án số: 58/2021/HS-PT  
Ngày: 04/3/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Bình

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Bà Lưu Thị Thu Hường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2021/TLPT-HS, ngày 12/01/2021 đối với bị cáo Phạm Đình B, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

***Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Phạm Đình B**, sinh năm 1996 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại:* Bà Huỳnh Thị S (đã chết).

*Người đại diện hợp pháp của người bị hại:*

1. Bà Cao Thị B1, sinh năm: 1930 (Là mẹ đẻ của bị hại); địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; chị Nguyễn Thị Thu N1, sinh năm 1988 và anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992 (Là con của người bị hại) địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1954 (Là chồng của người bị hại); địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24/07/2020, Phạm Đình B là người chưa có Giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 47F1-012.xx, chở anh Cao Văn H1 lưu thông trên đường Quốc lộ 26 theo hướng từ tỉnh Đắk Lắk đi tỉnh Khánh Hòa. Khi đi đến đoạn đường Km 85 + 800m, thuộc địa bàn thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, lúc này B điều khiển xe trên phần đường dành cho xe cơ giới ở phần đường bên phải, thì phát hiện phía trước có bà Huỳnh Thị S đang đi bộ từ bên trái sang bên phải đường, B không giảm tốc độ, không nhường đường cho người đi bộ mà chỉ bấm còi báo hiệu và đánh tay lái sang phía bên trái theo hướng đi để tránh bà S nhưng không kịp, nên đã để phần phía trước xe mô tô tông vào bà S, làm bà S bị ngã xuống mặt đường. Sau tai nạn bà S được đưa đi cấp cứu và đã tử vong tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên; B và H1 cũng bị ngã xuống đường nhưng không bị thương tích gì.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định: Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông tại Km 85 + 800m, Quốc lộ 26 thuộc thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là đoạn đường thẳng, được trải bê tông nhựa bằng phẳng, có mặt đường rộng 11m, ở giữa có vạch kẻ sơn dọc đứt quãng màu vàng chia mặt đường thành hai phần đường bằng nhau rộng 5m50. Ở mỗi phần đường có vạch kẻ sơn màu trắng chia phần đường thành hai làn đường, làn đường phía trong (làn đường dành cho xe thô sơ) rộng 1m90 và làn đường phía ngoài (làn đường dành cho xe cơ giới) rộng 3m60. Cách tâm hiện trường 30m phía bên phải đường hướng từ Đắk Lắk đi Khánh Hòa có biển báo “Cảnh báo nguy hiểm”. Sau tai nạn hiện trường được bảo vệ nguyên vẹn, người bị thương được đưa đi cấp cứu. Quá trình khám nghiệm thống nhất chọn mép đường bên phải hướng từ Đắk Lắk đi Khánh Hòa làm mép chuẩn cho số đo đến vị trí nạn nhân, các dấu vết, phương tiện và ghi nhận những dấu vết có liên quan đến vụ tai nạn giao thông như sau:

- Nạn nhân (Huỳnh Thị S) đi bộ qua đường từ phần đường bên trái sang phần đường bên phải theo hướng Đắk Lắk đi Khánh Hòa. Sau tai nạn, nạn nhân bị ngã bên phần đường phải hướng Đắk Lắk đi Khánh Hòa. Đầu nạn nhân quay về hướng Khánh Hòa, chân quay về hướng Đắk Lắk. Tâm đầu nạn nhân đo vào mép đường chuẩn là 3m18.

- Xe mô tô biển số 47F1-012.xx do Phạm Đình B điều khiển lưu thông trên đường Quốc lộ 26 hướng Đắk Lắk đi Khánh Hòa. Sau tai nạn xe mô tô ngã sang phải phần đường bên phải theo hướng từ Đắk Lắk đi Khánh Hòa. Đầu xe mô tô quay về hướng Khánh Hòa, đuôi xe mô tô quay về hướng Đắk Lắk. Trục trước xe mô tô đo vào mép đường chuẩn là 2m80 và đo đến tâm đầu nạn nhân là 0m40. Trục sau xe mô tô đo vào mép đường chuẩn là 2m65. Sau tai nạn, xe mô tô để lại trên mặt đường các dấu vết: Vết phanh lốp sau xe mô tô kích thước 1m65 x 0m05,

do lốp sau của xe mô tô tác động xuống mặt đường tạo thành và có chiều hướng từ Đắc Lắc đi Khánh Hòa, đầu vết phanh đo vào mép đường chuẩn là 3m15, đuôi vết phanh đo vào mép đường chuẩn là 3m08; vết xước kích thước 1m70 do bàn gác chân trước bên phải xe mô tô biển số 47F1-012.xx tác động xuống mặt đường tạo thành, đầu vết xước đo vào mép đường chuẩn là 2m85 và đo đến đuôi vết phanh là 2m50, đuôi vết xước đo vào mép đường chuẩn là 2m65.

Vùng máu kích thước 0m10 x 0m07. Tâm vùng máu được xác định tại vị trí tâm đầu nạn nhân. Tâm vùng máu đo vào mép đường chuẩn là 3m18 và đo đến trục trước xe mô tô là 0m40.

Điểm va chạm (Điểm đụng) đầu tiên giữa xe mô tô biển số 47F1-012.xx và người đi bộ (Bà Huỳnh Thị S) là mặt ngoài bên phải cung chắn bùn bánh trước của xe mô tô và cẳng chân phải bà Huỳnh Thị S từ đó xác định vùng điểm đụng (chiều vuông góc xuống mặt đường) nằm bên phần đường nhựa bên phải theo hướng từ Đắc Lắc đi Khánh Hòa. Điểm đụng đo vào mép đường chuẩn là 3m26, đo đến tâm đầu nạn nhân là 3m92, đo đến trục bánh sau xe mô tô biển số 47F1-012.xx là 2m60, đo đến đuôi vết phanh lốp sau xe mô tô là 1m31 và đo đến đầu vết xước là 1m30.

Tại bản Kết luận giám định pháp y số 237/GDPY ngày 08/8/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đ kết luận: Nguyên nhân tử vong của Huỳnh Thị S: Ngưng hô hấp, tuần hoàn do choáng chấn thương không phục hồi do chấn thương sọ não nặng/Nhiều chấn thương do tai nạn giao thông.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắc Lắc đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình B phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Đình B 03 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 02 và 03/12/2020 bị cáo Phạm Đình B và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn Q, bà Cao Thị B1 có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Đình B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Đình B về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng

người, đúng tội. Về mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt và buộc cách ly bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi vì bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Bị cáo đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại và đã được người đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với Cách mạng (ông Nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng 3); đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo đề nghị giảm mức hình phạt cho bị cáo xuống mức án treo; bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó cần giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình B từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận, bào chữa gì; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với người kháng cáo là ông Nguyễn Văn Q và bà Cao Thị B1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Q và bà Cao Thị B1 kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo và sự vắng mặt của ông Q và bà B1 không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo Phạm Đình B tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 24/7/2020, Phạm Đình B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47F1-012.xx lưu thông trên Quốc lộ 26 theo hướng từ tỉnh Đắk Lắk đi tỉnh Khánh Hòa. Khi đi đến đoạn đường Km 85 + 800m thuộc thôn T, xã E, huyện E, bị cáo phát hiện có bà Huỳnh Thị S đang đi bộ từ bên trái sang bên phải đường theo hướng đi của xe mô tô, nhưng bị cáo không giảm tốc độ và nhường đường cho bà S mà chỉ bấm còi báo hiệu và đánh tay lái sang bên trái để tránh bà S, nên đã để phần phía

trước xe mô tô tông vào bà S gây tai nạn, hậu quả làm bà Huỳnh Thị S tử vong khi cấp cứu; bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phạm Đình B về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Đối với kháng cáo đề nghị cho bị cáo hưởng án treo của bị cáo và của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn Q và bà Cao Thị B1, Hội đồng xét xử xét thấy: Về mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, việc buộc cách ly bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Sau khi gây tai nạn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại và đã được người đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị cáo có ông Nội là Phạm Đình Nghĩa được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo; đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Văn Q và bà Cao Thị B1 đã có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu với lỗi vô ý, có nhân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đình B và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Văn Q và bà Cao Thị B1; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2019/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Phạm Đình B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình B 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đình B cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Nghệ An, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đình B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- T.H.A hình sự Công an huyện E;
- UBND xã Y, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Công Bình**